

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Số: 54 /QĐ-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2022  
của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 143/QĐ-HĐQT ngày 31/8/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội v/v ban hành "Quy chế tài chính" của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-HĐQT ngày 24/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội v/v ban hành "Quy chế sản xuất kinh doanh" của Công ty CP vận tải đường sắt Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 01-22/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 của Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Hà Nội (có phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo tổ chức thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 3.** Các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Trưởng các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- ĐU, CĐ, ĐTN Công ty;
- Website Công ty;
- Lưu: VT, KH-ĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Hoan**

**KẾ HOẠCH**

**Kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2022**  
**của Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2022)

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2022 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

**I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

| TT  | Chỉ tiêu                                            | Đơn vị     | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | So sánh 2022/2021 |
|-----|-----------------------------------------------------|------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| 1   | <b>Tổng doanh thu</b>                               | Triệu đồng | <b>1 578 172</b>   | <b>1 796 016</b>  | <b>114 %</b>      |
| 1.1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ              | nt         | 1 546 924          | 1 760 016         | 114,0%            |
| a   | Doanh thu vận tải                                   | nt         | 1 280 562          | 1 466 243         | 114,5%            |
| b   | Doanh thu dịch vụ hỗ trợ vận tải và kinh doanh khác | nt         | 266 362            | 293 773           | 110%              |
| 1.2 | Doanh thu hoạt động tài chính                       | nt         | 2 526              | 1 000             | 40 %              |
| 1.3 | Thu nhập khác (thanh lý tài sản, ...)               | nt         | 28 722             | 35 000            | 122 %             |
| 2   | <b>Tổng chi phí</b>                                 | Triệu đồng | <b>1 699 833</b>   | <b>1 897 747</b>  | <b>112 %</b>      |
| 2.1 | Chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ                | nt         | 1 623 904          | 1 818 347         | 113 %             |
| 2.2 | Chi phí tài chính                                   | nt         | 55 219             | 52 400            | 95 %              |
| 2.3 | Chi phí khác                                        | nt         | 20 710             | 5 000             | 24 %              |
| 2.4 | Chi phí dự phòng                                    | nt         |                    | 21 410            |                   |
|     | Trợ cấp thôi việc, bảo lữ, tai nạn,...              | nt         |                    | 7 000             |                   |
|     | Lương làm đêm, thêm giờ, lễ,...                     | nt         |                    | 14 410            |                   |
| 3   | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                         | Triệu đồng | <b>- 121 661</b>   | <b>- 101 731</b>  | <b>84 %</b>       |
|     | - Lợi nhuận sau thuế                                | Triệu đồng | - 121 661          | - 101 731         |                   |
| 4   | <b>Tổng số lao động</b>                             | Người      | 2 742              | 3 090             | <b>112,6 %</b>    |
| 5   | <b>Tiền lương bình quân/người/tháng</b>             | Triệu đồng | 7,503              | 7,032             | <b>93,7 %</b>     |
| 6   | <b>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu</b>       | %          |                    |                   |                   |
| 7   | <b>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ</b>     | %          |                    |                   |                   |
| 8   | <b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu</b>         | %          |                    |                   |                   |
| 9   | <b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ</b>       | %          |                    |                   |                   |

\* Kế hoạch phân phối lợi nhuận : Năm 2022, Công ty không có lợi nhuận nên không chia cổ tức và trích lập các quỹ để bù đắp các khoản lỗ lũy kế.

**II. Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022:**

**1. Nguyên tắc xây dựng và thực hiện kế hoạch:**

- Ưu tiên cân đối đủ nguồn vốn đối ứng cho các dự án đầu tư phát triển có khả năng vay, huy động được vốn và sử dụng nguồn vốn đem lại hiệu quả;

- Ưu tiên xây dựng các dự án đầu tư nhằm nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, năng lực kinh doanh vận tải, bao gồm: dự án đóng mới, cải tạo nâng cấp toa xe; xây dựng công trình và mua mới máy móc, thiết bị trực tiếp phục vụ công tác sửa chữa toa xe và tác nghiệp đầu cuối vận tải,...

- Ưu tiên các dự án mở rộng liên danh, liên kết để thực hiện xã hội hóa đầu tư cho vận tải.

## **2. Tổng hợp kế hoạch đầu tư phát triển năm 2022 của Công ty:**

**2.1. Nguồn vốn khấu hao TSCĐ được sử dụng năm 2022:** 290 tỷ 321 triệu đồng, trong đó :

- Kế hoạch trích khấu hao TSCĐ năm 2022: 141 tỷ 396 triệu đồng.

- Nguồn vốn khấu hao TSCĐ các năm trước chuyển tiếp sang năm 2022: 148 tỷ 425 triệu đồng .

**2.2. Kế hoạch bố trí sử dụng nguồn vốn khấu hao TSCĐ năm 2022:** 290 tỷ 321 triệu đồng, trong đó :

- Trả nợ gốc vốn vay cho các dự án đầu tư đã hoàn thành các năm trước: 126 tỷ 783 triệu đồng.

- Dự phòng : 102 tỷ 338 triệu đồng.

- Vốn bố trí cho các dự án đầu tư mới năm 2022: 61 tỷ 200 triệu đồng.

## **2.3. Kế hoạch danh mục dự án đầu tư phát triển năm 2022 :**

- Về danh mục dự án đầu tư được Đại hội cổ đông các năm trước thông qua chuyển tiếp sang năm 2022 : Công ty đã tiến hành rà soát tính cấp thiết từng dự án và xin dừng không tiếp tục triển khai thực hiện 18 danh mục dự án đầu tư để thu hồi vốn 130 tỷ 870 triệu đồng ( *chi tiết tại Phụ lục 01*), chỉ chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2022 là 05 danh mục dự án với tổng mức đầu tư dự kiến 29 tỷ 626 triệu đồng ( *chi tiết tại Phụ lục 02*) .

- Về danh mục dự án đầu tư phát triển mới năm 2022 : Kế hoạch năm 2022, Công ty dự kiến triển khai 02 danh mục dự án đầu tư mới với tổng mức đầu tư ước tính 61 tỷ 200 triệu đồng ( *chi tiết tại Phụ lục 03*).

## **2.4. Kế hoạch huy động vốn xã hội hóa đầu tư cải tạo, nâng cấp và đóng mới toa xe năm 2022 và các năm tiếp theo ( chi tiết tại Phụ lục 04):**

Năm 2022, Công ty tiếp tục triển khai mời gọi các đối tác trong và ngoài ngành đường sắt để thực hiện các danh mục dự án đầu tư đóng mới , cải tạo nâng cấp toa xe đã ghi trong kế hoạch đầu tư phát triển các năm trước bằng nguồn vốn xã hội hóa theo đúng qui định của pháp luật hiện hành.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế để tổ chức triển khai thực hiện./.



**Đỗ Văn Hoan**

**PHỤ LỤC SỐ 1:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XIN DỪNG KHÔNG THỰC HIỆN NĂM 2022**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5A /QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2022)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| TT                                                                 | Hạng mục, công trình đầu tư                                                        | Vốn ghi KH     | Thực hiện | Thu hồi vốn    | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|----------------|---------|
| <b>A. Các dự án HĐQT đã có quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư</b> |                                                                                    | <b>38,000</b>  | <b>-</b>  | <b>38,000</b>  |         |
| 1                                                                  | Máy tiện mặt lăn, gờ trục bánh toa xe khổ đường sắt (1000mm)                       | 15,000         | -         | 15,000         |         |
| 2                                                                  | Đầu tư mới 06 tổ hợp máy phát điện công suất 475 KVA lắp trên toa xe CV-PĐ         | 23,000         | -         | 23,000         |         |
| <b>B. Các dự án HĐQT phê duyệt chuyển tiếp sang năm 2021</b>       |                                                                                    | <b>88,770</b>  | <b>-</b>  | <b>88,770</b>  |         |
| 3                                                                  | Đóng mới 200 toa xe hàng                                                           | 83,700         | -         | 83,700         |         |
| 4                                                                  | Hệ thống cấp nước sạch nhà A1, A2 và xưởng giặt là - ĐTV ĐS HN                     | 350            | -         | 350            |         |
| 5                                                                  | Máy phun rửa nước áp lực cao - CN TX Hà Nội                                        | 180            | -         | 180            |         |
| 6                                                                  | Ki điện thủy lực 50 tấn -CN TX Hà Nội                                              | 400            | -         | 400            |         |
| 7                                                                  | Cải tạo, nâng cấp 05 toa xe hàng com                                               | 4,000          | -         | 4,000          |         |
| 8                                                                  | Máy cắt plasma Inventer - CN TX Vinh                                               | 140            | -         | 140            |         |
| <b>C. Các dự án đầu tư mới năm 2021 đã được ĐHCĐ thông qua</b>     |                                                                                    | <b>4,100</b>   | <b>-</b>  | <b>4,100</b>   |         |
| 9                                                                  | Ky điện thủy lực 50t (một chiều)-CN TX Hàng                                        | 300            | -         | 300            |         |
| 10                                                                 | Thiết bị sấy băng điện găm toa xe-CN TX Hà Nội                                     | 220            | -         | 220            |         |
| 11                                                                 | Máy gia nhiệt vòng bi, bánh răng - CN TX Hàng                                      | 80             | -         | 80             |         |
| 12                                                                 | Mái tôn đường sửa chữa toa xe - Tổ sản xuất Ninh Bình - CN TX Hàng                 | 400            | -         | 400            |         |
| 13                                                                 | Hoán cải 01 toa xe B80 thành toa xe HL chở xe máy không tháo xăng -CN VTĐS H.Phòng | 300            | -         | 300            |         |
| 14                                                                 | Hoán cải toa xe B80 thành toa xe chở ô tô- CN VTĐS Huế                             | 300            | -         | 300            |         |
| 15                                                                 | Mua mới 01 xe nâng hàng 2,5 tấn -CN VTĐS Vinh                                      | 250            | -         | 250            |         |
| 16                                                                 | Dự án nhỏ lẻ phát sinh có TMĐT dưới 01 tỷ đồng.                                    | 1,500          | -         | 1,500          |         |
| 17                                                                 | Máy ép thủy lực vạn năng 40 tấn-CN TX Hàng                                         | 450            | -         | 450            |         |
| 18                                                                 | Cây bơm nhiên liệu -CN TX Hà Nội                                                   | 300            | -         | 300            |         |
| <b>Tổng cộng A+ B+C</b>                                            |                                                                                    | <b>130,870</b> | <b>-</b>  | <b>130,870</b> |         |

*Chữ ký*

**PHỤ LỤC SỐ 2:**

**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÁC NĂM TRƯỚC CHUYỂN TIẾP SANG THỰC HIỆN NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51 /QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2022)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Hạng mục, công trình đầu tư                                                   | K.lượng/<br>Quy mô                                                                                                                                                                                     | TMĐT<br>(Theo QĐ<br>cho phép<br>CBĐT) | Vốn đã bố trí        |                                | Bổ sung vốn 2022        |                      |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------|-------------------------|----------------------|
|    |                                                                               |                                                                                                                                                                                                        |                                       | Vốn khấu<br>hao TSCĐ | Năm<br>ghi vốn                 | Vốn<br>khấu hao<br>TSCĐ | Vay vốn<br>Ngân hàng |
| A  | Các dự án HĐQT đã duyệt danh mục đầu tư từ các năm trước                      |                                                                                                                                                                                                        | 28.156                                | 28.156               | -                              | -                       | -                    |
| 1  | Máy ép hàm nổi ống nổi - CN TX Hàng                                           | Mua mới 01 máy: chế độ vận hành bằng tay +<br>tự động Công suất động cơ: 2,2Kw                                                                                                                         | 156                                   | 156                  | 2020 = 156<br>triệu đồng       |                         |                      |
| 2  | Cải tạo, nâng cấp tốc độ và tải trọng<br>toa xe Hàng                          | Cải tạo, thay giá chuyển 70 toa xe hàng:<br>- Cải tạo lại xà gồ để thay giá chuyển GHV01<br>và GNH1 bằng giá chuyển hướng Mi Sơn, Tế<br>Nam.<br>- Cải tạo lại Hệ thống hãm.<br>+ Thay mới bộ trục bánh | 28.000                                | 28.000               | 2020 =<br>28.000 triệu<br>đồng |                         |                      |
| B  | Các dự án HĐQT đã phê duyệt danh mục đầu tư năm 2021                          |                                                                                                                                                                                                        | 1.470                                 | 1.470                | -                              | -                       |                      |
| 3  | Cải tạo đường điện nhà xưởng sửa chữa<br>toa xe A4, A6, A7- CN TX Vinh        | - Thay mới hệ thống đường điện trục chính và<br>01 đường điện trục chính từ trạm biến áp điện<br>đến vị trí đặt máy tiện bánh xe CNC (bao gồm<br>các thiết bị phụ trợ)                                 | 610                                   | 610                  | 2021=610<br>triệu đồng         |                         |                      |
| 4  | Đầu tư mới Dàn cầu trục 900 kg, LK<br>12m nhà xưởng Cơ khí A15 - CNTX<br>Vinh | - Hệ thống cột I300; Đường chạy dàn; Dầm<br>cầu trục nâng hạ Q = 900 kg, H nâng = 6m.                                                                                                                  | 690                                   | 690                  | 2021=690<br>triệu đồng         |                         |                      |
| 5  | Xây mới nhà vệ sinh- CN VTĐS Đ. Anh                                           | Xây mới 01 nhà vệ sinh bãi hàng đường 15,<br>16 ga Yên Viên                                                                                                                                            | 170                                   | 170                  | 2021=170<br>triệu đồng         |                         |                      |
|    | Cộng (A+B+C+D)                                                                |                                                                                                                                                                                                        | 29.626                                | 29.626               | -                              | -                       | -                    |

*cear*

**PHỤ LỤC SỐ 3**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2022**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2022)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: TRẠNG DƯƠNG

| TT | Hạng mục, công trình đầu tư                    | Quy mô, khối lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật | Mục tiêu đầu tư và sự cần thiết đầu tư                                                                             | Dự kiến Tổng mức đầu tư | Phương án bố trí vốn       |                   | Địa điểm đầu tư              |
|----|------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------|------------------------------|
|    |                                                |                                           |                                                                                                                    |                         | Vốn khấu hao TSCĐ năm 2022 | Vốn vay ngân hàng |                              |
| A  | Các dự án có TMĐT (dự kiến) < 1 tỷ đồng        |                                           |                                                                                                                    | 1.200                   | 1.200                      | 0                 |                              |
| 1  | Dự án nhỏ lẻ phát sinh có TMĐT dưới 01 tỷ đồng | Theo nhu cầu cấp thiết phục vụ SXKD       |                                                                                                                    | 1.200                   | 1.200                      |                   | Cơ quan Cty và các Chi nhánh |
| B  | Dự án có TMĐT (dự kiến) ≥ 1 tỷ đồng            |                                           |                                                                                                                    | 60.000                  | 60.000                     |                   |                              |
| 2  | Đầu tư mới toa xe Hàng -giai đoạn 2022-2023    | 50 toa xe                                 | <div>- Bổ sung cho số toa xe hàng phải thanh lý năm 2022-2023.<br/>- Đáp ứng nhu cầu vận chuyển các hàng hóa</div> | 60.000                  | 60.000                     |                   | CN TX Hàng                   |
|    | Tổng công A+B                                  |                                           |                                                                                                                    | 61.200                  | 61.200                     | 0                 |                              |

*leat*



**PHỤ LỤC SỐ 4:**  
**DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN XÃ HỘI HÓA NĂM 2022**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 54 /QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2022)

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Hạng mục, công trình đầu tư                                   | Khối lượng                 | Tổng mức đầu tư | Vốn xã hội hóa | Ghi chú                                                             |
|----|---------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------|----------------|---------------------------------------------------------------------|
| A  | <b>Dự án đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh với nhà đầu tư</b> |                            | <b>3.500</b>    | <b>3.500</b>   |                                                                     |
| 1  | Cải tạo, nâng cấp toa xe An 28                                | - 02 toa xe An28           | 3.500           | 3.500          | Năm 2020 Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Sông Lam |
| B  | <b>Các dự án sử dụng nguồn vốn xã hội hóa năm 2022</b>        |                            | <b>473.000</b>  | <b>473.000</b> |                                                                     |
| 2  | Đóng mới toa xe khách                                         | Đầu tư mới 30 toa xe khách | 294.000         | 294.000        | Mời các đối tác trong và ngoài ngành đường sắt đầu tư               |
| 3  | Cải tạo, nâng cấp toa xe khách                                | 06 toa xe khách            | 19.000          | 19.000         | Mời các đối tác trong và ngoài ngành đường sắt đầu tư               |
| 4  | Đóng mới 100 toa xe hàng                                      | 100 toa xe hàng            | 160.000         | 160.000        | Mời các đối tác trong và ngoài ngành đường sắt đầu tư               |
|    | <b>Cộng A+ B</b>                                              |                            | <b>476.500</b>  | <b>476.500</b> |                                                                     |

*Chữ ký*